



sǐ wáng

死亡

Noun · die; death

Example Sentences

tā de yé yé qù nián sǐ wáng le
他的爷爷去年死亡了。

His grandfather died last year.

nǐ tīng shuō guò guān yú nà zuò gǔ bǎo de sǐ wáng chuán shuō ma
你听说过关于那座古堡的死亡传说吗？

Have you heard about the death legends surrounding that ancient castle?

yī shēng xuān bù bìng rén yǐ jīng sǐ wáng
医生宣布病人已经死亡。

The doctor declared that the patient had died.

Trace each character, then write the word on your own.

死 死 死 死 死 死 死 死 死

亡 亡 亡 亡 亡 亡